

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

ĐỀ TÀI: Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lenin về dân tộc
và quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước
Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Giảng viên hướng dẫn : NGUYỄN THẾ HÙNG

Sinh viên thực hiện : CAO HỒNG CHUYÊN

Lớp : K22HTTTB

Mã sinh viên : 22A4040150

Hà nội, ngày 16 tháng 01 năm 2021

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	2
1. Tính cấp thiết của đề tài	2
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	3
5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài.....	3
NỘI DUNG.....	3
Phần 1: Phần lý luận	3
1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lenin về dân tộc.	3
1.2. Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam	7
Phần 2: Phần liên hệ thực tiễn và liên hệ bản thân.....	9
2.1. Liên hệ thực tiễn.....	9
2.2. Liên hệ bản thân.....	11
KẾT LUẬN	13
TÀI LIỆU THAM KHẢO	14

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là một quốc gia thống nhất, đa dân tộc. Ngoại trừ bốn dân tộc là Kinh, Hoa, Chăm, Khơme sống ở đồng bằng thì phần lớn các dân tộc khác đều sinh sống ở miền núi, biển đảo, hải đảo,...là những nơi có vị trí chiến lược về kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã chú trọng giải quyết tốt vấn đề dân tộc và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trên tất cả các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, việc giải quyết vấn đề dân tộc ở nhiều nơi vẫn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Vì vậy, cần tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để giải quyết tốt vấn đề dân tộc, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm sự ổn định chính trị và gia tăng nguồn lực cho sự phát triển bền vững đất nước trong giai đoạn mới.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích: Hiểu rõ hơn quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lenin về dân tộc cũng như quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, từ đó đưa ra những giải pháp giải quyết vấn đề dân tộc.

Để đạt được mục đích trên chúng ta cần giải quyết những nội dung sau: Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lenin về dân tộc; Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam; Những giải pháp cần làm để giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam; Liên hệ thực tiễn và liên hệ bản thân.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lenin về dân tộc và quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Phạm vi nghiên cứu: Vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận: Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lenin về dân tộc.

Phương pháp nghiên cứu: Đề tài sử dụng phương pháp luận biện chứng duy vật với các phương pháp như: thống nhất lôgic và lịch sử, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và hệ thống hóa.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Ý nghĩa lý luận: Nghiên cứu vấn đề dân tộc giúp chúng ta hiểu rõ hơn về nguồn gốc, quá trình tồn tại và xu hướng phát triển của cộng đồng các dân tộc trên dải đất hình chữ S Việt Nam. Đồng thời giúp chúng ta hiểu rõ hơn về quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Ý nghĩa thực tiễn: Giúp thế hệ sau có thể hiểu rõ hơn về các dân tộc ở Việt Nam cũng như là quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

NỘI DUNG

Phần 1: Phần lý luận

1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lenin về dân tộc.

1.1.1. Định nghĩa, đặc trưng cơ bản của dân tộc

a. Quốc gia – dân tộc

Định nghĩa: Quốc gia – dân tộc là một cộng đồng chính trị - xã hội gắn liền với lãnh thổ và nhà nước.

Các đặc trưng: Có chung phương thức sinh hoạt kinh tế; Có chung lãnh thổ ổn định không bị chia cắt; Có chung sự quản lý thống nhất của một nhà nước; Có chung một ngôn ngữ quốc gia; Có chung một nền văn hóa và tâm lý dân tộc.

b. Dân tộc – tộc người.

Định nghĩa: Dân tộc – tộc người là một cộng đồng người không gắn liền với lãnh thổ hay nhà nước, được hiểu theo nghĩa thiểu số trong một quốc gia – dân tộc.

Các đặc trưng: Cộng đồng về ngôn ngữ; Cộng đồng về văn hóa; Có ý thức tự giác tộc người.

1.1.2. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc

Xu hướng thứ nhất: cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập. Xu hướng này thể hiện rõ nét trong phong trào giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc.

Xu hướng thứ hai: Các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia, muốn liên hiệp lại với nhau.

1.1.3. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lenin

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lenin bao gồm các nội dung sau:

a. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.

Quyền bình đẳng dân tộc là quyền của mọi dân tộc không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ phát triển cao hay thấp, không phân biệt chủng tộc, màu da...đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trong các sinh hoạt kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội.

Để thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc cần thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp để trên cơ sở đó xóa bỏ tình trạng nô dịch của dân tộc này đối với dân tộc khác. Vì thế theo Lenin, bình đẳng dân tộc thực chất là xóa bỏ tình trạng người bóc lột người, ý nghĩa thực sự của việc đòi quyền bình đẳng chung quy chỉ là đòi thủ tiêu giai cấp. Từng bước khắc phục sự phát triển chênh lệch giữa các dân tộc. Tạo điều kiện cho các dân tộc còn ở trình độ lạc

hậu, bằng sự nỗ lực của chính mình cùng với sự giúp đỡ của các dân tộc anh em, phát triển nhanh trên con đường tiến bộ.

Sự bình đẳng toàn diện giữa các dân tộc phải được thể hiện trên pháp lý và quan trọng hơn là phải được thực hiện trong cuộc sống.

Ý nghĩa của quyền bình đẳng dân tộc:

Đây là quyền thiêng liêng, là mục tiêu phấn đấu của các dân tộc trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội.

Chống ách áp bức dân tộc, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi.

Là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.

b. Các dân tộc có quyền tự quyết.

Quyền tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc đó.

Quyền tự quyết bao gồm quyền tự do phân lập cộng đồng dân tộc độc lập vì lợi ích của dân tộc và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

Ý nghĩa của quyền dân tộc tự quyết: Đây cũng là quyền cơ bản thiêng liêng của các dân tộc. Thực hiện quyền tự quyết dân tộc cũng chính là thực hiện nội dung bình đẳng dân tộc trên lĩnh vực chính trị.

Khi xem xét và giải quyết vấn đề dân tộc tự quyết phải đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, chỉ ủng hộ sự phân lập mang đến lợi ích cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, ủng hộ cuộc đấu tranh giai cấp trong phạm vi ấy. Kiên quyết đấu tranh chống lại những âm

mu, thủ đoạn của thế lực thù địch, lợi dụng chiêu bài quyền dân tộc tự quyết để can thiệp sâu vào công việc nội bộ của các nước.

c. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

Nội dung này phản ánh mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, phản ánh sự thống nhất về bản chất phong trào đấu tranh giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc. Đồng thời cũng xuất phát từ bản chất quốc tế của giai cấp vô sản trong quá trình đấu tranh thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của mình. Đây là sự liên minh quốc tế trong cuộc đấu tranh chống áp bức giai cấp và áp bức dân tộc vì sự giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

Đây là nội dung cơ bản trong cương lĩnh, là cơ sở, điều kiện để bảo đảm thực hiện quyền bình đẳng dân tộc, quyền tự quyết dân tộc. Quyền bình đẳng dân tộc, quyền tự quyết dân tộc không phải tự nhiên mà có và đương nhiên được thực hiện mà là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài của nhân dân các dân tộc, chống mọi thế lực xâm lược và áp bức dân tộc. Đồng thời việc thực hiện quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc cũng tùy thuộc vào kết quả của cuộc đấu tranh khắc phục trở ngại to lớn trong dân cư các cộng đồng dân tộc – thái độ kỳ thị, lòng thù hận dân tộc... Vì thế liên hiệp công nhân các dân tộc không chỉ là lời kêu gọi mà còn là giải pháp hữu hiệu, đảm bảo cho việc thực hiện quyền bình đẳng dân tộc, quyền tự quyết dân tộc.

Ý nghĩa của việc đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc: Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động rộng rãi thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Đây là cơ sở lý luận để các Đảng Cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

1.2. Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

1.2.1. Quan điểm:

Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản lâu dài và cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng phát triển, cùng phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng, đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

Phát triển toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc trong sự nghiệp chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết tập trung phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng đi đôi với việc bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực tự cường của đồng bào các dân tộc, tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của trung ương và địa phương.

Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị.

1.2.2. Chính sách:

Về chính trị: thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; chính sách dân tộc góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân, nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số về

tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, đoàn kết các dân tộc, thống nhất mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu nước mạnh.

Về kinh tế: Phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng dân tộc, nhằm phát huy tiềm năng phát triển, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng và các dân tộc; thực hiện nội dung kinh tế thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế ở vùng dân tộc, thúc đẩy tiến trình phát triển kinh tế thị trường; thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ địa cách mạng.

Về văn hóa: xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, phát triển ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào dân tộc; đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa phù hợp với điều kiện của các dân tộc; mở rộng giao lưu văn hóa với các quốc gia và khu vực.

Về xã hội: thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội ở vùng dân tộc; từng bước thực hiện chính sách bình đẳng, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục; phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội ở miền núi, vùng dân tộc.

Về an ninh quốc phòng: tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên địa bàn, tăng cường mối quan hệ quân dân, tạo thế trận quốc phòng toàn dân nơi vùng dân tộc.

Phần 2: Phần liên hệ thực tiễn và liên hệ bản thân

2.1. Liên hệ thực tiễn

Các mối quan hệ liên quan đến vấn đề dân tộc vốn đã rất đa dạng và phức tạp trong lịch sử nhân loại và ngày càng bộc lộ tính nhạy cảm chính trị - xã hội đặc thù của nó trong tình hình hiện nay.

Trong những năm gần đây, sự xung đột sắc tộc, chủng tộc, hàng loạt mâu thuẫn và vấn đề nảy sinh đã dẫn đến tình trạng căng thẳng giữa các quốc gia, các khu vực hoặc trong nội bộ từng nước. Trong nhiều nguyên nhân, có nguyên nhân trực tiếp bắt nguồn từ việc giải quyết các quan hệ dân tộc chưa phù hợp, chưa đúng đắn. Xung đột sắc tộc, chủng tộc diễn ra dưới nhiều hình thức, biểu hiện khác nhau đan xen với xung đột tôn giáo, xung đột biên giới, lãnh thổ...Do vậy, tính thời sự, cấp bách của vấn đề dân tộc và giải quyết tốt các quan hệ dân tộc đang là nhu cầu chung của ổn định, hòa bình, hợp tác và phát triển của nhân loại và của các quốc gia trong tình hình hiện nay.

Trong quá trình lãnh đạo Cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định vấn đề dân tộc là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt. Chúng ta cần phải thực hiện tốt chính sách dân tộc, phát huy truyền thống và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, đảm bảo thắng lợi cho sự nghiệp Cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã xây dựng nguyên tắc của chính sách dân tộc Việt Nam chính là: bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc. Những nguyên tắc này được quán triệt và được thực hiện nhất quán, có hiệu quả trong mọi thời kỳ Cách mạng.

Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân và đế quốc xâm lược, Đảng ta đã thực hiện chính sách đoàn kết các dân tộc trong cả nước, trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ để kháng chiến, giúp nhau tiến bộ về mọi mặt. Đảng và Nhà nước ban hành nhiều quy định nhằm thực hiện tốt chính sách dân tộc, động viên sức mạnh của đồng bào các dân tộc cùng tham gia xây dựng chiến khu Cách mạng, tham gia kháng chiến chống giặc. Việc quán triệt và tổ chức

thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng trong thời kỳ này đã tạo được bước chuyển biến lớn trong đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc, góp phần tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đánh thắng các thế lực xâm lược.

Sau khi đất nước thống nhất, nước ta chuyển sang giai đoạn quá độ lên Chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới, đẩy mạnh Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, Đảng ta tiếp tục thực hiện nhất quán quan điểm, nguyên tắc về chính sách dân tộc, đồng thời bổ sung, phát triển những nội dung mới phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Đảng và Nhà nước đã đưa ra các nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội qua các kỳ Đại hội Đảng, đồng thời quan tâm sâu sắc đến việc phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa ở miền núi và các dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên hiện nay, giữa các dân tộc ở Việt Nam còn có sự chênh lệch lớn trên nhiều phương diện. Trong cộng đồng 54 dân tộc anh em sinh sống trên đất nước ta, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, tình trạng chênh lệch còn rất lớn trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội... Từ sự phát triển không đồng đều giữa các vùng, các miền đã dẫn tới tình trạng chênh lệch lớn trong sinh hoạt kinh tế như trình độ tổ chức sản xuất, phương thức canh tác, trình độ áp dụng khoa học kỹ thuật... dẫn đến năng xuất, sản lượng và hiệu quả kinh tế nói chung cũng chênh lệch. Việc thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quá trình Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn ở các vùng núi, vùng cao, vùng dân tộc thiểu số đang là vấn đề nan giải do có nhiều nguyên nhân cần sớm được khắc phục.

Sự phát triển không đồng đều, sự chênh lệch lớn trên các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trong các dân tộc ở Việt Nam có một tác động vô cùng lớn, thậm chí là trở ngại không nhỏ đối với quá trình Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước, là quá trình phát triển các quan hệ dân tộc theo quan

điểm của Đảng và Nhà nước ta. Đây cũng là một trong những vấn đề cần được khắc phục nhằm từng bước phát triển, xóa dần khoảng cách chênh lệch trên các phương diện của đời sống xã hội giữa các dân tộc ở nước ta hiện nay.

2.2. Liên hệ bản thân

Là một sinh viên còn ngồi trên ghế nhà trường, là chủ nhân tương lai của đất nước, vấn đề dân tộc không phải là một vấn đề đơn giản, do đó em nghĩ mỗi hành động của mình cũng sẽ ảnh hưởng tới , góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đưa đất nước ta ngày càng phát triển sánh vai với các cường quốc năm châu:

Thứ nhất, phải nỗ lực học tập, rèn luyện thân thể và đạo đức để trở thành sinh viên tốt, công dân tốt góp sức cống hiến cho đất nước.

Thứ hai, thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác Cách mạng, tránh những cám dỗ vật chất mà các thế lực phản Cách mạng sử dụng để dụ dỗ và làm giảm lòng tin của chúng ta vào Đảng, vào Nhà nước và Cách mạng.

Thứ ba, phát hiện, góp phần đấu tranh, ngăn ngừa và đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trong việc lợi dụng vấn đề dân tộc chống phá Cách mạng nước ta.

Thứ tư, kêu gọi, tuyên truyền giữ vững ổn định tư tưởng chính trị với các sinh viên trong trường học, phát huy tinh thần đoàn kết trong tập thể.

Thứ năm, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với đường lối xã hội chủ nghĩa.

Thứ sáu, thường xuyên vận động, tuyên truyền gia đình, sinh viên trong trường cũng như là những người xung quanh thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Thứ bảy, thường xuyên học tập nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hưởng ứng cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.”

Thứ tám, không ngừng học tập nâng cao trình độ nhận thức và hành động thực tiễn về công tác dân vận.

Thứ chín, không tham gia vào các tệ nạn xã hội, không để kẻ xấu có cơ hội lợi dụng, lôi kéo làm suy yếu khả năng chiến đấu bảo vệ tổ quốc của mình. Phát hiện và báo cáo các hiện tượng tiêu cực, các hành vi làm nguy hại đến an ninh quốc gia, đoàn kết tốt với nhân dân địa phương nơi mình đang cư trú.

Thứ mười, nhận thức tốt vai trò của mình đối với các vấn đề dân tộc. Sẵn sàng đứng lên chiến đấu khi tổ quốc cần.

KẾT LUẬN

“Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đó là mục tiêu lý tưởng, là đường lối cơ bản, lâu dài xây dựng và phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa phù hợp với đặc điểm một quốc gia thống nhất đa tộc người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải giữ lấy nước”. Câu nói này đã nhắc nhở các thế hệ người dân Việt Nam về trách nhiệm bảo vệ Tổ Quốc của mình. Bảo vệ và xây dựng Tổ Quốc không phải là nhiệm vụ của riêng ai mà là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tộc Việt Nam. Và để bảo vệ Tổ Quốc không chỉ chú trọng tới vấn đề quân sự, phát triển kinh tế, ngoại giao,...mà việc giải quyết vấn đề dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch cũng là một việc chúng ta cần phải làm. Chúng ta nên nêu cao tinh thần cảnh giác, cần có khả năng đối phó và ngăn chặn mọi âm mưu của các thế lực thù địch.

Qua đề tài “Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lenin về dân tộc và quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, em đã hiểu rõ hơn về quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lenin về dân tộc cũng như quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa. Từ đó, giúp em thêm yêu đất hình chữ S này, thêm tin tưởng hơn vào các chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Em cũng hy vọng Đảng và Nhà nước sẽ đưa ra được các giải pháp hợp lý để giải quyết vấn đề dân tộc một cách có hiệu quả, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, từ đó đưa nước Việt Nam ngày càng phát triển hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học – Khoa lý luận chính trị Học viện Ngân Hàng.

[2] Nguyễn Duy Quý - Đỗ Huy: Xây dựng nền văn hoá mới ở nước ta hiện nay. NXB KHXH. Hà Nội - 1992

[3] PTS Nguyễn Quốc Phẩm - GS Trịnh Quốc Tuấn: Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam. NXB Chính Trị Quốc gia. Hà Nội – 1999

[4] Chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng là sự gắn bó giữa “ý Đảng, lòng dân” – Tạp chí Quốc Phòng toàn dân